TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN SÔNG HINH** **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: /2019/DS-ST
Ngày: 04/11/2019
"V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÔNG HINH, TỈNH PHÚ YÊN

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**:** Ông Bùi Châu Kha.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ksor Y Kư và bà Nguyễn Thị Ái Liên.

Thư ký phiên toà: Bà Lê Thị Mạy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sông Hinh, tỉnh Phú Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Hinh, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Ông Bùi Khắc Nghiệp – Kiểm sát viên sơ cấp.

Vào lúc 08 giờ 55 phút, ngày 04 tháng 11 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân (TAND) huyện Sông Hinh, tỉnh Phú Yên. TAND huyện Sông Hinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 39/2019/TLST-DS, ngày 06 tháng 5 năm 2019 về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2019/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 10 năm 2019 và quyết định thay đổi hội thẩm số: 39c/2019/QĐ-TA ngày 31 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Tuấn A (thường gọi là Cẩm Ty), sinh năm 1979; trú tại: Khu phố 4, thị trấn Hai Riêng, huyện Sông Hinh, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

2. Bị đơn: Chị Phương Thị L, sinh năm 1974; dân tộc: Nùng; trú tại: Thôn Tân lập, xã Ea Ly, huyện Sông Hinh, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***** Theo đơn khởi kiện ngày 07 tháng 4 năm 2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Phạm Thị Tuấn A (Cẩm Ty) trình bày:

Chị A và chị L quen biết nhau, chị A có tiền, chị L có nhu cầu mượn tiền để làm ăn nên chị A cho chị L mượn 450.000.000^{đ} (Bốn trăm năm mươi triệu đồng), có viết giấy vào ngày 02/4 dương lịch (17/02 âm lịch) và hẹn một tháng

kể từ ngày mượn sẽ hoàn trả đủ, nếu không trả thì chị A có quyền lấy bất cứ tài sản nào của chị L để thu hồi nợ. Hai bên thỏa thuận riêng với lãi suất 2%/tháng và thế chấp chị A 04 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (gọi tắt là sổ đỏ) để bảo đảm (việc tính lãi và thế chấp đều không ghi giấy). Bốn sổ đỏ của chị Phương Thị L có nội dung:

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Thửa đất số: 150, bản đồ 62, tại Thôn Tân An, xã Ea Bar, huyện Sông Hinh, diện tích 228,6m^2, hạn sử dụng đến ngày 01/7/2064;

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Thửa đất số: 158, bản đồ 62, tại Thôn Tân An, xã Ea Bar, huyện Sông Hinh, diện tích 1.487,8m^2, hạn sử dụng đến ngày 01/7/2064;

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Thửa đất số: 151, bản đồ 62, tại Thôn Tân An, xã Ea Bar, huyện Sông Hinh, diện tích 563,3m^2, hạn sử dụng đến ngày 01/7/2064;

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Thửa đất số: 40, bản đồ 73, tại Thôn Tân Lập, xã Ea Ly, huyện Sông Hinh, diện tích 7.228,2m^2, (trong đó đất ở 400m^2 thời hạn sử dụng lâu dài, đất trồng cây lâu năm 6.828,2m^2, thời hạn sử dụng đến ngày 01/7/2064.

Đến hạn, chị L không trả tiền, chị A đã nhiều lần yêu cầu chị L trả nợ nhưng chị L cố tình không trả nên chị A khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc chị L phải trả số tiền nợ gốc là 450.000.000^đ và tiền lãi là 9.000.000^đ (Chín triệu đồng)/tháng kể từ ngày 02/4/2018 đến 08/5/2019 là 117.000.000^đ =567.000.000^đ.

Tại phiên tòa, chị A, xét thấy hoàn cảnh chị L khó khăn nên rút một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu chị L phải trả 300.000.000^đ (Ba trăm triệu đồng) và không yêu cầu tính lãi.

**Bị đơn chị Phương Thị L trình bày:*

Không phải mượn mà vay tiền với lãi suất cao, chị L thiếu tiền nên vay tiền của chị A 150.000.000^đ (Một trăm năm mươi triệu đồng), thời điểm vay vào ngày 08/7/2016 âm lịch với lãi suất 10%/tháng, chị L đã trả 15.000.000^đ (Mười lăm triệu đồng) cho một tháng đầu tiên, do lãi suất vay quá cao nên chị L không có khả năng trả nợ. Chị A đã giữ chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu và 04 sổ đỏ nên chị L không thể dùng sổ đỏ để thế chấp các ngân hàng vay tiền trả nợ. Không trả tiền, chị A ép chị L phải viết giấy nhận nợ bằng giấy mượn với số tiền 450.000.000^đ (Bốn trăm năm mươi triệu đồng), do vậy mà kéo dài đến bây giờ chưa trả được. Nay chị L xin trả số tiền nợ gốc vay là 150.000.000^đ (Một trăm năm mươi triệu đồng) và trả lãi theo mức lãi suất ngân hàng, tính cả tiền gốc và tiền lãi là 210.000.000^đ (Hai trăm mười triệu đồng). Nhờ tòa xem xét, giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Hinh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

+ Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử: Thẩm phán đã xác định đúng thẩm quyền, đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thu thập tài liệu chứng cứ đúng quy định của pháp luật, hội đồng xét xử, thư ký thực hiện đúng quy định của pháp luật về phiên tòa xét xử sơ thẩm. Nguyên đơn, bị đơn đều thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

+ Về nội dung: Cần tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn chị Phương Thị L phải trả nguyên đơn chị Phạm Thị Tuấn A số tiền 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua kiểm tra các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xác minh, thẩm tra và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự: Chị A có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Sông Hinh giải quyết yêu cầu chị L trú tại: Thôn Tân Lập, xã Ea Ly, huyện Sông Hinh, tỉnh Phú Yên phải trả nợ tiền vay. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26; Điều 35; Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS) thì Tòa án nhân dân huyện Sông Hinh thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về yêu cầu của đương sự: Chị L thừa nhận có vay tiền của chị A, nhưng không phải vay vào năm 2018 mà vay vào ngày 08/7/2016 âm lịch với số tiền 150.000.000đ(Một trăm năm mươi triệu đồng), do không trả được nợ nên đã bị ép ký giấy nhận nợ là 450.000.000đ (Bốn trăm năm mươi triệu đồng).

Chứng cứ để nguyên đơn khởi kiện là giấy mượn tiền có nội dung: Tôi là Phương Thị L ở thôn Tân Lập, xã Ea Ly, huyện Sông Hinh, tỉnh Phú Yên có mượn bà Phạm Tuấn A ở Khu phố 4, thị trấn Hai Riêng số tiền 450.000.000đ, hẹn trong vòng 01 tháng kể từ ngày 17/02 đến 17/3 âm lịch tôi sẽ trả đủ, nếu không trả đúng như lời tôi nói thì lấy bất cứ tài sản nào để thu hồi vốn. Toàn bộ nội dung giấy mượn tiền, không ghi thời gian viết giấy mượn, không có năm mượn tiền.

Nhưng chị A và chị L thừa nhận giấy mượn tiền này ký ngày 02/4/2018 (nhằm ngày 17/02/2018 âm lịch). Trong suốt thời gian sau khi chị L cho rằng bị ép ký giấy mượn tiền, chị L không có chứng cứ nào để chứng minh bị ép ký giấy mượn tiền.

Hơn nữa, chị L cho rằng có vay chị A 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng) và đã trả 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng) tiền lãi, nhưng cũng không có giấy tờ gì để chứng minh cho ý kiến bị đơn phản tố yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ và hợp pháp.

Do vậy, đủ cơ sở kết luận chị L mượn 450.000.000đ, thời gian mượn tiền từ ngày 02/4/2018 (tức 17/02/2018 âm lịch) cho đến nay.

Nhưng tại phiên tòa, chị A xét thấy hoàn cảnh khó khăn nên chỉ yêu cầu chị L trả 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng) và không yêu cầu tính lãi. Xét yêu

cầu của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, có lợi cho bị đơn nên cần chấp nhận.

Việc chị A sao nộp bản sao và đang giữ 04 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của chị L (bản chính) là để bảo đảm thế chấp, nếu chị L trả đủ 300.000.000đ thì chị A sẽ trả lại.

Đây không phải là tài sản thế chấp nhưng tại phiên tòa các bên đều thừa nhận nên chị L phải trả 300.000.000đ cho chị A và chị A phải có nghĩa vụ trả 04 (Bốn) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của chị Phương Thị L cho chị Phương Thị L.

Các giấy tờ khác như: Sổ hộ khẩu, chứng minh nhân dân nguyên đơn không sao nộp, bị đơn không có chứng cứ để chứng minh quyền lợi của mình cũng như giấy giao nhận các giấy tờ trên, nên không xem xét.

[3] Về án phí: Chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 BLTTDS và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và lệ phí Tòa án. Cụ thể: 300.000.000đ x 5% = 15.000.000đ. Hoàn trả cho nguyên đơn Phạm Thị Tuấn A (Cẩm Ty) 13.950.000đ (Mười ba triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 BLTTDS, Điều 463, Điều 466, Điều 468 BLDS năm 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn chị Phương Thị L phải có trách nhiệm trả cho chị Phạm Thị Tuấn A (Cẩm Ty) số tiền 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng).

Chị Phạm Thị Tuấn A (Cẩm Ty) phải có nghĩa vụ hoàn trả 04 (Bốn) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (bản chính) do chị Phương Thị L đứng tên gồm:

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Thửa đất số: 150, bản đồ 62, tại Thôn Tân An, xã Ea Bar, huyện Sông Hinh, diện tích 228,6m^2, hạn sử dụng đến ngày 01/7/2064;

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Thửa đất số: 158, bản đồ 62, tại Thôn Tân An, xã Ea Bar, huyện Sông Hinh, diện tích 1.487,8m^2, hạn sử dụng đến ngày 01/7/2064;

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Thửa đất số: 151, bản đồ 62, tại Thôn Tân An, xã Ea Bar, huyện Sông Hinh, diện tích 563,3m^2, hạn sử dụng đến ngày 01/7/2064;

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Thửa đất số: 40, bản đồ 73, tại Thôn Tân Lập, xã Ea Ly, huyện Sông Hinh, diện tích 7.228,2m^2, (trong đó đất ở 400m^2 thời hạn sử dụng lâu dài, đất trồng cây lâu năm 6.828,2m^2, thời hạn sử dụng đến ngày 01/7/2064.

- Về án phí: Chị Phương Thị L phải chịu 15.000.000^đ (Mười lăm triệu đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho nguyên đơn Phạm Thị Tuấn A (Cẩm Ty) 13.950.000^đ (Mười ba triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí tại biên lai thu tiền số 0012831 ngày 06/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sông Hinh, tỉnh Phú Yên.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn và bị đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND huyện Sông Hinh;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- Chi cục THADS huyện Sông Hinh;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

BÙI CHÂU KHA